

CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THÔNG NHẤT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THỐNG NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hưng	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Hằng	Ủy viên
Ông Hoàng Tùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Kiêm	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kiêm	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Số: 67 /2018/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26/03/2018 và trình bày từ trang số 05 đến trang số 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại thuyết minh số 11 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính: Kết thúc năm 2017, Công ty đã lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền khoảng 135 triệu đồng căn cứ vào việc phân tích, đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán. Theo đánh giá của chúng tôi, nếu Công ty thực hiện lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên thời gian quá hạn thanh toán thì số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2017 sẽ tăng thêm số tiền khoảng 1 tỷ đồng và kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến đến thuyết minh số 13 phần thuyết minh Báo cáo tài chính về sự kiện không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng: Tháng 10/2012, Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất đã gửi đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng nguyên tắc số 24/2011/HĐNT-SHL ngày 25/07/2011 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng trả lại số tiền mà Công ty đã ứng trước tiền thuê đất tại Cụm Công nghiệp đa nghề Đông Thọ với số tiền 11.821.660.585 đồng, bao gồm: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 8.928.782.350 đồng, thuế GTGT được khấu trừ: 892.878.235 đồng, trả trước cho người bán: 2.000.000.000 đồng. Biên bản xét xử sơ thẩm số 13/2013/HNGĐ-ST ngày 28/11/2013 của Tòa án Nhân dân quận Ba Đình đã tuyên vô hiệu Hợp đồng kinh tế nói trên, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng phải trả lại cho Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất số tiền đã ứng trước. Tuy nhiên, theo Bản án phúc thẩm số 29/2014/KDTM-PT ngày 17/04/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định hủy bản án sơ thẩm số 13/2013/KDTM-ST ngày 28/11/2013 của Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận Ba Đình để giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung. Ngày 10/10/2016 Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã ra Quyết định số 15/QĐ-TA tiếp tục giải quyết vụ kiện. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Bình Minh

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
0034-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Trần Minh Nguyệt

Kiểm toán viên

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
3412-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.118.553.365	44.280.171.198
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.503.482.646	4.299.295.071
1. Tiền	111		3.503.482.646	4.299.295.071
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.635.417.673	26.523.320.432
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.996.658.266	20.677.566.171
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.119.510.345	5.042.778.868
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.655.035.981	1.521.949.425
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(135.786.919)	(718.974.032)
III. Hàng tồn kho	140	9	13.851.739.167	13.445.305.692
1. Hàng tồn kho	141		13.851.739.167	13.445.305.692
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		127.913.879	12.250.003
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	59.373.483	12.250.003
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		68.540.396	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.158.523.060	15.464.114.441
I. Tài sản cố định	220		9.755.689.862	5.708.896.140
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	9.755.689.862	5.708.896.140
- Nguyên giá	222		38.516.097.699	32.513.459.951
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.760.407.837)	(26.804.563.811)
II. Bất động sản đầu tư	230	12	74.599.571	139.034.058
- Nguyên giá	231		1.745.042.927	1.745.042.927
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.670.443.356)	(1.606.008.869)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.928.782.350	9.522.116.291
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	8.928.782.350	9.522.116.291
IV. Tài sản dài hạn khác	260		399.451.277	94.067.952
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	399.451.277	94.067.952
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		68.277.076.425	59.744.285.639

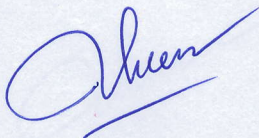
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		38.346.938.449	29.892.479.341
I. Nợ ngắn hạn	310		38.346.938.449	29.892.479.341
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	11.609.458.718	4.335.935.273
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		140.215.988	5.085.106.788
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	662.880.017	567.245.105
4. Phải trả người lao động	314		7.709.133.076	3.051.103.817
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	273.599.372	465.300.097
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	97.500.000	62.045.455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	12.436.304.928	12.410.999.400
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	4.444.016.776	2.956.468.495
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		973.829.574	958.274.911
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.930.137.976	29.851.806.298
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	29.930.137.976	29.851.806.298
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.000.000.000	22.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		410.000.000	410.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.165.744.061	5.427.442.141
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.354.393.915	2.014.364.157
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		254.364.157	2.014.364.157
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.100.029.758	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		68.277.076.425	59.744.285.639

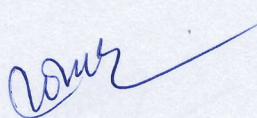
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THÔNG NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	119.638.032.154	116.391.928.751
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	3.778.582.693	3.189.179.784
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		115.859.449.461	113.202.748.967
4. Giá vốn hàng bán	11	24	95.700.110.671	92.740.167.003
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.159.338.790	20.462.581.964
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	9.952.432	55.506.576
7. Chi phí tài chính	22	28	321.150.260	166.283.600
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		278.873.395	153.416.236
8. Chi phí bán hàng	25	25	8.145.192.417	6.628.196.471
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	8.871.384.562	11.399.997.462
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.831.563.983	2.323.611.007
11. Thu nhập khác	31		198.721.304	38.181.818
12. Chi phí khác	32		81.724.993	29.520.465
13. Lợi nhuận khác	40		116.996.311	8.661.353
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.948.560.294	2.332.272.360
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	615.193.896	428.756.564
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.333.366.398	1.903.515.796
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	955	779
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		955	779

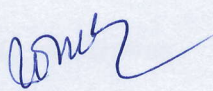
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hưng

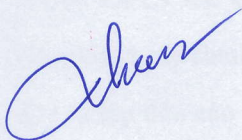
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	115.396.592.063	124.211.154.264
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(76.125.195.985)	(91.805.147.265)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.289.081.000)	(25.164.439.392)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(311.475.935)	(166.012.200)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(584.538.863)	(344.265.500)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.508.746.686	1.738.018.022
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.803.075.959)	(14.591.709.046)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.791.971.007	(6.122.401.117)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.616.997.791)	(142.727.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	200.000.000	38.181.818
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.952.432	34.595.520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.407.045.359)	(69.949.935)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	9.359.074.146	4.605.258.677
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.871.525.865)	(6.611.221.144)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.676.000.000)	(1.676.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(188.451.719)	(3.681.962.467)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.196.473.929	(9.874.313.519)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.299.295.071	14.171.375.997
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.713.646	2.232.593
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.503.482.646	4.299.295.071

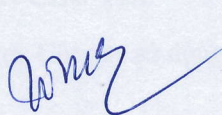
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hưng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Diêm Thông Nhất tiền thân là Công ty Diêm Thông Nhất là Doanh nghiệp nhà nước được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1130/QĐ-TTg ngày 27/08/2001 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100100544 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2002 thay đổi lần thứ 06 ngày 18/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 18/04/2014, vốn điều lệ của Công ty là 22.000.000.000 VND, tương ứng 2.200.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 670 Ngô Gia Tự - Đức Giang, Quận Long Biên, Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ loại hình nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất, kinh doanh Diêm và Giấy;
- Kinh doanh Bất động sản

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - VAS 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và Dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc

- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 36
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 13
Thiết bị quản lý	05

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Nguyên giá Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty là các khoản đi vay từ các ngân hàng thương mại.

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản vay có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn”. Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là “Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn”.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: các chi phí điện, nước, chi phí vận chuyển,...

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê. Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THÔNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 32.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.481.985.822	1.470.750.395
Tiền gửi ngân hàng	2.021.496.824	2.828.544.676
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
Cộng	8.503.482.646	4.299.295.071

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	21.996.658.266	20.677.566.171
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (*)	271.656.273	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thiên Đông	2.064.630.000	1.768.950.000
Taiping Advertising Maths SDN.BHD	1.167.247.500	482.913.390
Các khoản phải thu khách hàng khác	18.493.124.493	18.425.702.781
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-

(*): Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà là bên liên quan của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THỐNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	1.655.035.981	-	1.521.949.425	-
Tạm ứng	1.524.668.034	-	1.517.949.425	-
Bảo hiểm xã hội	126.367.947	-	-	-
Phải thu khác	4.000.000	-	4.000.000	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.655.035.981	-	1.521.949.425	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và TM Tiến Phúc Bắc Ninh	-	1.900.066.527
Trả trước cho các đối tượng khác	1.119.510.345	1.142.712.341
Cộng	3.119.510.345	5.042.778.868

(*) Trả trước tiền thuê đất tại Cụm Công nghiệp Đa nghề Phúc Thọ. Chi tiết theo Thuyết minh số 13.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.279.163.943	-	8.011.780.102	-
Công cụ, dụng cụ	100.086.611	-	95.639.619	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.634.923.313	-	1.600.048.415	-
Thành phẩm	2.245.887.972	-	2.431.823.151	-
Hàng hoá	1.591.677.328	-	1.306.014.405	-
Cộng	13.851.739.167	-	13.445.305.692	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	59.373.483	12.250.003
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	59.373.483	12.250.003
Dài hạn	399.451.277	94.067.952
Chi phí sửa chữa	399.451.277	81.521.614
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	12.546.338

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỆM THỐNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

11. NỢ XẤU

	31/12/2017				01/01/2017			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Công ty TNHH TM & DV Hải Dương	Từ 2-3 năm	193.981.313	58.194.394	(135.786.919)	Từ 1-2 năm	193.981.313	193.981.313	-
Công ty Cổ phần DV đầu tư Long Giang	Trên 3 năm	310.653.346	310.653.346	-	Từ 2-3 năm	310.653.346	93.196.004	(217.457.342)
Công ty TNHH SX và thương mại Việt Hải	Từ 2-3 năm	174.830.460	174.830.460	-	Từ 1-2 năm	174.830.460	87.415.230	(87.415.230)
Công ty Cổ phần In và Bao bì Việt Nam	Trên 3 năm	231.934.733	231.934.733	-	Từ 2-3 năm	545.139.713	381.597.799	(163.541.914)
Các đối tượng khác		507.172.935	507.172.935	-		303.016.558	52.457.012	(250.559.546)
	Trên 3 năm	316.886.562	316.886.562	-	Trên 3 năm	128.159.851	-	(128.159.851)
	Từ 2-3 năm	20.230.400	20.230.400	-	Từ 2-3 năm	174.856.707	52.457.012	(122.399.695)
	Từ 1-2 năm	129.735.009	129.735.009	-		-	-	-
	Từ 06-12 tháng	40.320.964	40.320.964	-		-	-	-
Cộng		1.418.572.787	1.282.785.868	(135.786.919)		1.527.621.390	808.647.358	(718.974.032)

Công ty đã phân tích, đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu quá hạn và trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các đối tượng được xác định là không có khả năng thu hồi. Tại ngày 31/12/2017 có một số khoản công nợ đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty không lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền khoảng 1 tỷ đồng do Công ty xác định các đối tượng phải thu này vẫn có khả năng thu hồi. Giá trị có thể thu hồi của các khoản công nợ dựa trên số tiền mà Công ty đánh giá có thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THÔNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

KHOẢN MỤC	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ				
- Nhà	1.745.042.927	-	-	1.745.042.927
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
- Nhà	1.606.008.869	64.434.487	-	1.670.443.356
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
- Nhà	139.034.058	-	64.434.487	74.599.571

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án di chuyển địa điểm Công ty (*)	8.928.782.350	8.928.782.350
Tiền thuê đất tại Cụm Công nghiệp đa nghề Đông Thọ	8.928.782.350	8.928.782.350
Hệ thống xử lý nước thải	-	593.333.941
Cộng	8.928.782.350	9.522.116.291

(*): Căn cứ theo Phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Công ty đang thực hiện chủ trương di dời nhà máy sản xuất để chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại số 670 Ngõ Gia Tự - Long Biên - Hà Nội. Tháng 10/2012, Công ty Cổ phần Diêm Thông Nhất đã gửi đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng nguyên tắc số 24/2011/HĐNT-SHL ngày 25/07/2011 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng trả lại số tiền mà Công ty đã ứng trước tiền thuê đất tại Cụm Công nghiệp đa nghề Đông Thọ với giá trị 11.821.660.585 đồng, bao gồm: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 8.928.782.350 đồng, thuế GTGT được khấu trừ: 892.878.235 đồng, trả trước cho người bán: 2.000.000.000 đồng. Theo Biên bản xét xử sơ thẩm số 13/2013/HNGĐ-ST ngày 28/11/2013 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã tuyên vô hiệu Hợp đồng kinh tế nói trên, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng phải trả lại cho Công ty Cổ phần Diêm Thông Nhất số tiền đã ứng trước. Tuy nhiên, theo Bản án phúc thẩm số 29/2014/KDTM-PT ngày 17/04/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định hủy bản án sơ thẩm số 13/2013/KDTM-ST ngày 28/11/2013 của Tòa án nhân dân Quận Ba Đình nói trên, giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận Ba Đình để giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung. Ngày 10/10/2016 Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã ra Quyết định số 15/QĐ-TA tiếp tục giải quyết vụ kiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THÔNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	10.576.596.861	16.933.941.561	4.843.381.529	159.540.000	32.513.459.951
Mua trong năm	-	3.701.098.395	-	-	5.883.478.395
Đầu tư XDCB hoàn thành	733.519.396	-	-	-	733.519.396
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(614.360.043)	-	(614.360.043)
Tại ngày 31/12/2017	11.310.116.257	20.635.039.956	6.411.401.486	159.540.000	38.516.097.699
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	10.116.147.921	12.418.648.343	4.149.318.489	120.449.058	26.804.563.811
Khấu hao trong năm	257.711.930	1.856.262.537	352.700.794	25.448.004	2.492.123.265
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(536.279.239)	-	(536.279.239)
Tại ngày 31/12/2017	10.373.859.851	14.274.910.880	3.965.740.044	145.897.062	28.760.407.837
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	460.448.940	4.515.293.218	694.063.040	39.090.942	5.708.896.140
Tại ngày 31/12/2017	936.256.406	6.360.129.076	2.445.661.442	13.642.938	9.755.689.862
<i>Nguyên giá Tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng</i>	<i>9.461.212.299</i>	<i>8.400.659.048</i>	<i>3.492.624.213</i>	<i>32.300.000</i>	<i>21.386.795.560</i>

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đang được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng, chi tiết theo Thuyết minh số 17.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THÔNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẪN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng trả	
	Giá trị	VND	Giá trị	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	11.609.458.718	11.609.458.718	4.335.935.273	4.335.935.273
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiến Phúc Bắc Ninh	5.258.552.552	5.258.552.552	-	-
Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì	1.018.106.022	1.018.106.022	582.870.026	582.870.026
Công ty Cổ phần Giấy Mạnh Đạt	1.337.229.300	1.337.229.300	608.358.630	608.358.630
Công ty Giấy Phát Đạt (TNHH)	554.851.000	554.851.000	701.555.030	701.555.030
Phải trả cho các đối tượng khác	3.440.719.844	3.440.719.844	2.443.151.587	2.443.151.587
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	5.718.175	5.718.175
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	-	-	-	-

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2017	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	247.923.217		4.658.239.617		4.532.464.136		373.698.698	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-		1.358.305.530		1.358.305.530		-	
Thuế nhập khẩu	-		2.340.315		2.340.315		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	258.526.286		615.193.896		584.538.863		289.181.319	
Thuế thu nhập cá nhân	60.795.602		131.425.550		260.761.548		(68.540.396)	
Các loại thuế khác	-		3.599.694.720		3.599.694.720		-	
Cộng	567.245.105		10.365.199.628		10.338.105.112		594.339.621	
Trong đó:								
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-		-		-		68.540.396	
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	567.245.105		567.245.105		567.245.105		662.880.017	

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THÔNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô (*)	4.444.016.776	4.444.016.776	9.359.074.146	7.871.525.865	2.956.468.495	2.956.468.495
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (**)	2.144.952.492	2.144.952.492	5.464.861.087	4.319.908.595	1.000.000.000	1.000.000.000
	2.299.064.284	2.299.064.284	3.894.213.059	3.551.617.270	1.956.468.495	1.956.468.495
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	4.444.016.776	4.444.016.776	9.359.074.146	7.871.525.865	2.956.468.495	2.956.468.495

(*): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thành Đô theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/40491/HĐTD ngày 17/01/2017, hạn mức tín dụng 5 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là các tài sản đang thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký ngân hàng với tổng giá trị là 2.267 triệu đồng và các máy móc thiết bị bổ sung với tổng giá trị là 2.200 triệu đồng, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế, các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty, lãi suất của các khoản vay trong khoảng từ 7%-7,5%/năm.

(**): Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐCVHM/NHCT128-DTN ngày 24/11/2017, hạn mức cấp tín dụng là 5.000.000.000 VND có thời hạn đến ngày 24/11/2018. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn cho của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng/giấy nhận nợ, lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất ngày, được ghi trên giấy nhận nợ trong khoảng từ 6,5%-7%/năm, tài sản đảm bảo là Hợp đồng thế chấp hàng tồn kho số 01/2016/HĐTCHH/NHCT128-DTN ngày 20/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THÔNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	273.599.372	465.300.097
Chi phí vận chuyển, quảng cáo, sửa chữa	-	149.806.900
Chi phí tiền điện	273.599.372	295.580.505
Chi phí tiền ăn ca	-	3.744.000
Các chi phí khác	-	16.168.692
Dài hạn	-	-

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	12.436.304.928	12.410.999.400
Kinh phí công đoàn	79.050.459	96.970.759
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	247.663.000
Thanh toán tạm ứng chưa chi tiền	45.457.921	71.637.275
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.108.475.000	10.108.475.000
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Các đối tượng khác	108.475.000	108.475.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.203.321.548	1.886.253.366
Trường mầm non Thống Nhất	1.299.757.834	1.482.689.652
Tiền thanh lý khu nhà tập thể	403.563.714	403.563.714
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thiên Đông	500.000.000	-
Dài hạn	-	-

(*): Khoản đặt cọc theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2011/HĐHTKD ngày 19/7/2011 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình về việc hợp tác kinh doanh thực hiện dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp văn phòng - thương mại và nhà ở Thống Nhất tại 670 Ngõ Gia Tự - Long Biên - Hà Nội. Theo Hợp đồng Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình sẽ đặt cọc số tiền 30 tỷ đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Theo Công văn số 130 ngày 02/01/2013, Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình đề nghị gia hạn thời gian chuyển số tiền đặt cọc 20 tỷ đồng còn lại trong năm 2013. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình vẫn chưa chuyển số tiền đặt cọc còn lại nói trên.

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	97.500.000	62.045.455
Doanh thu nhận trước	97.500.000	62.045.455
Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THÔNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	22.000.000.000	410.000.000	5.384.522.141	2.029.359.263	29.823.881.404
Lãi trong năm	-	-	-	1.903.515.796	1.903.515.796
Trích lập quỹ	-	-	42.920.000	(233.271.580)	(190.351.580)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
Tăng khác (*)	-	-	-	74.760.678	74.760.678
Tại ngày 01/01/2017	22.000.000.000	410.000.000	5.427.442.141	2.014.364.157	29.851.806.298
Lãi trong năm	-	-	-	2.333.366.398	2.333.366.398
Trích lập quỹ	-	-	-	(233.336.640)	(233.336.640)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
Giảm khác	-	-	(261.698.080)	-	(261.698.080)
Tại ngày 31/12/2017	22.000.000.000	410.000.000	5.165.744.061	2.354.393.915	29.930.137.976

Trong năm 2017, Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng số tiền là 233.336.640 đồng. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 22/04/2017 cổ tức được chia với tỷ lệ 8% tương ứng 1.760.000.000 đồng.

(*): là số điều chỉnh hồi tố theo kết luận của Cơ quan thuế.

(**): Số sử dụng quỹ để bù đắp khoản nợ phải thu khó đòi không đủ hồ sơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THÔNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn góp đầu năm	22.000.000.000	22.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	22.000.000.000	22.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.760.000.000	1.760.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.200.000	2.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000	2.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	111.406.163.257	108.254.000.492
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.231.868.897	8.137.928.259
Cộng	119.638.032.154	116.391.928.751

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	3.936.932.339	4.029.441.195

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.532.107.776	2.830.452.444
Giảm giá hàng bán	62.274.800	1.527.929
Hàng bán bị trả lại	184.200.117	357.199.411
Cộng	3.778.582.693	3.189.179.784

CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THÔNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	92.504.900.331	90.251.563.221
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.195.210.340	2.488.603.782
Cộng	95.700.110.671	92.740.167.003

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	9.590.358.594	11.399.997.462
Chi phí nhân viên	2.407.127.676	4.071.626.140
Tiền thuê đất	3.599.694.720	3.583.215.612
Chi phí dự phòng	135.786.919	308.143.932
Chi phí khấu hao TSCĐ	331.814.911	63.060.046
Các khoản chi phí khác	3.115.934.368	3.373.951.732
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	8.145.192.417	6.628.196.471
Chi phí nhân viên	4.695.036.913	3.103.829.940
Chi phí vận chuyển, xăng, dầu	1.375.390.971	1.312.472.155
Các khoản chi phí khác	2.074.764.533	2.211.894.376
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(718.974.032)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(718.974.032)	-

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.390.255.306	68.774.895.598
Chi phí nhân công	25.682.047.913	25.245.505.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.484.896.017	2.220.931.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.190.698.901	5.648.906.154
Chi phí khác bằng tiền	10.204.865.990	12.086.461.650
Cộng	114.952.764.127	113.976.701.264

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.952.432	34.595.520
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	16.624.050
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.287.006
Cộng	9.952.432	55.506.576

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THÔNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	278.873.395	153.416.236
Lỗ chênh lệch tỷ giá	32.602.540	3.910.000
Phí chuyển tiền	-	8.957.364
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.522.728	-
Các khoản khác	151.597	-
Cộng	321.150.260	166.283.600

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.948.560.294	2.332.272.360
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	127.409.188	26.110.459
Cộng: chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	135.122.834	30.397.465
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	7.713.646	4.287.006
Thu nhập tính thuế	3.075.969.482	2.358.382.819
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	615.193.896	471.676.564
Thuế TNDN được miễn giảm theo điểm 1 điều 21 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014	-	42.920.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	615.193.896	428.756.564

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.333.366.398	1.903.515.796
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	233.336.640	190.351.580
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.100.029.758	1.713.164.216
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.200.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	955	779

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
USD	2.909,03	768,39
Nợ khó đòi đã xử lý (đồng)	261.698.100	-

Trong năm 2016 Công ty đã xóa nợ cho một số khách hàng với tổng số tiền là 261.698.100 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản kiểm tra của Cục thuế Hà Nội cho thời kỳ từ năm 2013 đến 2016, Công ty đã ghi nhận lại các khoản nợ khó đòi đã xử lý nói trên. Cuối năm 2017, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty đã phân tích, đánh giá và có quyết định sử dụng quỹ để xóa nợ cho các đối tượng nói trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỆM THÔNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Công ty có các bên liên quan sau:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	Chủ tịch HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có số dư và giao dịch với các bên liên quan sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	249.090.145	241.751.223
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.128.786.000	1.835.715.672

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà	-	4.675.127.439

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh Công cụ tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.503.482.646	4.299.295.071
Phải thu của khách hàng	21.996.658.266	20.677.566.171
Phải thu khác	1.655.035.981	1.521.949.425
Cộng	32.155.176.893	26.498.810.667
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	11.609.458.718	4.335.935.273
Chi phí phải trả	273.599.372	465.300.097
Phải trả khác	12.357.254.469	12.314.028.641
Vay và nợ thuê tài chính	4.444.016.776	2.956.468.495
Cộng	28.684.329.335	20.071.732.506
Trừ đi các khoản dự phòng	(135.786.919)	(718.974.032)

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THỐNG NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Đến 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số tại ngày 31/12/2017		
Phải trả người bán	11.609.458.718	-
Chi phí phải trả	273.599.372	-
Phải trả khác	12.357.254.469	-
Vay và nợ thuê tài chính	4.444.016.776	-
Cộng	28.684.329.335	-
Số tại ngày 01/01/2017		
Phải trả người bán	4.335.935.273	-
Chi phí phải trả	465.300.097	-
Phải trả khác	12.314.028.641	-
Vay và nợ thuê tài chính	2.956.468.495	-
Cộng	20.071.732.506	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DIỄM THÔNG NHẤT**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Một số số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2017 đã được điều chỉnh hồi tố theo kết luận của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh
<u>Bảng Cân đối kế toán</u>				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	44.018.473.098	261.698.100	44.280.171.198
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	20.415.868.071	261.698.100	20.677.566.171
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	59.482.587.539	261.698.100	59.744.285.639
NỢ PHẢI TRẢ	300	29.705.541.919	186.937.422	29.892.479.341
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	380.307.683	186.937.422	567.245.105
Thuế giá trị gia tăng		205.502.477	42.420.740	247.923.217
Thuế Thu nhập doanh nghiệp		168.104.404	90.421.882	258.526.286
Thuế thu nhập cá nhân		6.700.802	54.094.800	60.795.602
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	29.777.045.620	74.760.678	29.851.806.298
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	1.939.603.479	74.760.678	2.014.364.157
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	59.482.587.539	261.698.100	59.744.285.639
<u>Các khoản mục ngoại bảng</u>				
Nợ khó đòi đã xử lý		261.698.100	(261.698.100)	-

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

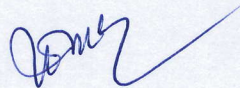
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hiền



Ngô Thị Hằng